



学校法人 森教育学園

岡山学芸館外国語学校

2025VN

TRƯỜNG NGOẠI NGỮ OKAYAMA GAKUGEIKAN

Hướng Dẫn Chiêu Sinh

Okayama Gakugeikan Language School

International Students Admission Guideline

1. Khai giảng khóa học Courses

(a) Khóa học tiếng Nhật 2 năm (Nhập học tháng 4)

Japanese Language 2-year course (Entrance in April)

(b) Khóa học tiếng Nhật 1 năm 6 tháng (Nhập học tháng 10)

Japanese Language 1-year and 6-month course (Entrance in October)

2. Số lượng chiêu sinh Available numbers of students

(a) Khóa học tiếng Nhật 2 năm (Nhập học tháng 4) ... 60 người

Japanese Language 2-year course (Entrance in April) • • • 60 students

(b) Khóa học tiếng Nhật 1 năm 6 tháng (Nhập học tháng 10) ... 30 người

Japanese Language 1-year and 6-month course (Entrance in October) • • • 30 students

Tổng 2 khóa học trên là 90 học sinh 90 students in all courses

3. Tư cách nộp đơn Applicant requirements

• Những bạn có nguyện vọng học tập

A student who is strongly motivated to study in Japan.

• Những bạn đã hoàn thành chương trình giáo dục từ 12 năm trở lên trong nước hoặc dự kiến sẽ hoàn thành chương trình học trước khi đến Nhật Bản.

A student who has completed a whole course of more than 12 years education in your country or expected to complete prior to arrival in Japan.

• Những bạn đã đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật N5 hay được chứng nhận trình độ đó hoặc những bạn đã học tiếng Nhật trên 150 giờ.

A student who has passed Japanese Language Proficiency Test N5 or recognized the equal level (150 hours of study Japanese or more is desirable).

• Những bạn có thể tuân thủ luật pháp Nhật Bản và các nội quy của trường chúng tôi.

A student who can obey the Japan Law and the Okayama Gakugeikan school rules.

• Những bạn không gặp vấn đề gì với khả năng chi trả chi phí của mình.

A student has no problem to pay expenses required.

4. Thời gian nộp hồ sơ Application period

(a) Khóa học tiếng Nhật 2 năm (Học sinh tháng 4)

(hết hạn vào giữa tháng 10 hàng năm)

Japanese Language 2-year course (Entrance in April) : ~The middle of October of the previous year

(b) Khóa học tiếng Nhật 1 năm 6 tháng (Học sinh tháng 10)

(hết hạn vào cuối tháng 4 hàng năm)

Japanese Language 1-year and 6-month course (Entrance in October) : ~The end of April

5. Tuyển sinh nhập học Entrance Examination

- Nội dung tuyển sinh nhập học Screening: Kiểm tra hồ sơ và phỏng vấn Application documents, Interview

6. Phí tuyển sinh, phí nhập học (bao gồm thuế) Tuition and Sundry Expenses (Tax is included)

6-1 Phí tuyển sinh, thủ tục xin visa School Application and Visa Application Fee : ¥20,000

※ Xin hãy nộp phí tuyển sinh khi nộp hồ sơ. Phí tuyển sinh đã nộp sẽ không được hoàn lại không liên quan đến kết quả visa của Cục quản lý nhập cảnh

Applicants are required to pay the application fee when he/she applies. The application fee is non-refundable.

6-2 Học phí School Expenses (Đơn vị/tiền yên Nhật Japanese Yen)

(a) Khóa học tiếng Nhật 2 năm Japanese Language 2-year course

Thời gian nhập học Admission Period		Tiền nhập học Tuition	Học phí School Fee	Các phí khác Other Fee	Tổng cộng Total
Học sinh nhập học tháng 4 April~	Năm thứ 1 First Year Tháng 4~tháng 3 April~March	¥70,000	¥600,000	¥100,000	¥770,000
	Năm thứ 2 Second Year Tháng 4~tháng 3 April~March		¥600,000	¥100,000	¥700,000
	Tổng cộng Total				¥1,470,000

(b) Khóa học tiếng Nhật 1 năm 6 tháng Japanese Language 1-year and 6-month course

Thời gian nhập học Admission Period		Phí nhập học Tuition	Học phí School Fee	Các phí khác Other Fee	Tổng cộng Total
Học sinh nhập học tháng 10 October ~	Năm thứ 1 First Year Tháng 10~tháng 9 Oct.~Sep.	¥70,000	¥600,000	¥100,000	¥770,000
	Năm thứ 2 Second Year Tháng 10~tháng 3 October~March		¥300,000	¥50,000	¥350,000
	Tổng cộng Total				¥1,120,000

※ Các chi phí khác bao gồm chi phí cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy, khám sức khỏe, v.v.

Other Fees are for facilities and equipment, educational materials, medical examinations, etc.

※ Ngoài ra, cũng có trường hợp tham gia chuyến tham quan học tập sẽ trả phí riêng.

Please be aware that fees for school trips may be also payable.

※ Điều này có thể thay đổi tùy thuộc vào hoàn cảnh khác nhau. All prices are subject to change.

6-3 Phí bảo hiểm y tế quốc gia Japan National Health Insurance

Khoảng 2.500 yên mỗi tháng ~ Approximately ¥2,500 or more per month

7. Hồ sơ nộp đơn nhập học Application Documents

※ Cần dịch sang tiếng Nhật. Cần ghi ngày tháng và họ tên chữ ký của người dịch,

Hồ sơ dịch và công chứng phải có thời hạn trong vòng 3 tháng kể từ thời điểm trường nộp hồ sơ lên Cục quản lý xuất nhập cảnh.

NOTE : The documents should be attached with translation in Japanese. Should be signed by the translator with the date. The issue date should be within 3 months before the school apply to the Immigration Bureau of Japan.

7-1 Liên quan của học sinh By Applicant

- ① Đơn đăng ký do trường chỉ định (có ảnh kèm theo), sơ yếu lý lịch, giấy chứng nhận sức khỏe, bản lý do nguyện vọng nhập học, thư đồng ý du học (bản gốc)
Okayama Gakugeikan Language School Application Forms with photo, Personal History, Health Certificate, Statement of Purpose, Agreement (Original)
- ② Bản photo hộ chiếu
Copy of Passport
- ③ Bằng tốt nghiệp trình độ học vấn cuối cùng (trung học phổ thông trở lên, bản gốc)
Diploma from last school graduated (Senior high school ~ : Original)
- ④ Giấy chứng nhận học tiếng Nhật (bản gốc có thông tin về thời gian học, thời gian học hàng tuần, tổng thời gian học, trình độ, v.v.), hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (giấy chứng nhận đầu kỳ thi năng lực tiếng Nhật, v.v., bản gốc hoặc bản sao)
Certificate of Japanese Study (Period, Study hours per week, Total study hours, Level : Original), or
Certificate of Japanese Language Proficiency Test (Original or Copy)
- ⑤ Hình 3 tấm (dọc 4cm× ngang 3cm • hình đã chụp trong vòng 3 tháng)
ID photos (4cm×3cm • Taken within 3 months of application)
- ⑥ Sổ hộ khẩu hoặc thẻ căn cước (Giấy khai sinh của học sinh)
Certificate of personal status or Certificate of family register (To prove the place of birth)

7-2 Liên quan của người bảo lãnh By Guarantor

- ① Giấy chi trả chi phí theo mẫu của trường (bản gốc)
Okayama Gakugeikan Written Oath for Defraying Expenses (Original)
- ② Tài liệu chứng minh mối quan hệ giữa người bảo lãnh tài chính và người nộp đơn
 - Documents proving the relationship of the applicant with the guarantor (family register or other)Chứng minh nhân dân (hộ chiếu, v.v./bản sao)
 - Identification of the guarantor (Copy of Passport or other)
- ③ Giấy xác nhận số dư tài khoản
Statement of bank balance
- ④ Sao kê ngân hàng một năm...Bản sao sổ tiết kiệm ngân hàng trong năm qua, v.v.
Bank statement of a year
- ⑤ Giấy xác nhận đang làm việc (bản gốc)
Certificate of Employment (Original)
- ⑥ Giấy xác nhận thu nhập trong 1 năm (bản gốc)
Income certificate showing the last year's income (Original)

8. Danh mục xác nhận Other confirmation items

- ① Phí tuyển sinh và xin thị thực sẽ không được hoàn trả, bất kể học sinh đậu hay trượt hoặc giấy xác nhận tư cách lưu trú có được cấp hay không.
The fee for the school application and visa application is not refundable regardless of the result of the exam or visa application.
- ② Trường chúng tôi cũng có một trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trong khuôn viên trường.
We also have the junior high school and the senior high school on Okayama Gakugeikan campus.

- ③ Học sinh phải tuân theo các nội quy, hướng dẫn của trường và tham gia các sự kiện của trường.
Students must follow the laws of Japan and the rules and the directions of the school.
Students are required to take part in all school events.
- ④ Hình ảnh của du học sinh theo học tại trường chúng tôi có thể được sử dụng trên trang web của trường, SNS, tờ rơi, v.v.
Photographs and videos of students are used in the school newspaper, social networking sites, and brochures.
Students must notify the school if this is not acceptable.
- ⑤ Học sinh có thể đi làm thêm khi được nhận được sự cho phép của cục nhập cảnh và của trường.
Tuy nhiên, không được làm việc quá giờ quy định của Nhật Bản.
Students are not allowed to undertake any full or part-time work unless they have permission from the school and the immigration office, also need to follow the working hour regulations prescribed by Japan.
- ⑥ Nếu học sinh bị đuổi học thì học phí đã đóng sẽ không được hoàn trả. Ngoài ra, học sinh sẽ phải chịu chi phí về nước và các chi phí liên quan khác.
No fees will be refunded when students are expelled from school. A return home expenses and the other concerned expenses are payable by the student.

※Ngoài ra, để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên lạc với chúng tôi Please ask the further information.



学校法人森教育学園

岡山学芸館外国語学校

Trường Ngoại Ngữ Okayama Gakugeikan

Okayama Gakugeikan Language School

〒704-8502 1-19-19 Saidaijikami, Quận Higashi, TP. Okayama Tỉnh Okayama

1-19-19 Saidaiji-kami Higashi-ku Okayama City Okayama, Japan 704-8502

TEL: +81-(0)86-942-4910

FAX : +81-(0)86-943-4149

MAIL : info-lang@gakugeikan.ed.jp